

Số: 1533 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Côn Đảo
giai đoạn đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-BGTVT ngày 15/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể cảng hàng không Côn Sơn (nay là cảng hàng không Côn Đảo) giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí khảo sát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 3070/TTr-CHK ngày 15/7/2021 của Cục Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2030; Văn bản số 3460/CHK-QLC ngày 10/8/2021 về việc hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư tại Văn bản số 875/KHĐT ngày 10/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Côn Đảo giai đoạn đến năm 2030.

2. Địa điểm: Huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Giai đoạn quy hoạch: Đến năm 2030.

4. Nội dung quy hoạch điều chỉnh:

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là cảng hàng không nội địa.

4.2. Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cấp sân bay: 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO) và sân bay quân sự cấp II.

- Công suất: 2,0 triệu hành khách/năm và 4.400 tấn hàng hóa/năm.

- Loại máy bay khai thác: máy bay code C hoặc tương đương.

- Tổng số vị trí đỗ tàu bay: 08 vị trí.

- Cấp cứu nguy, cứu hỏa: Cấp 7.

4.4. Quy hoạch công trình khu bay:

- Đường cất hạ cánh: mở rộng và nâng cấp đường cất hạ cánh trên nền đường cất hạ cánh hiện hữu đạt kích thước 1.830mx45m, lề vật liệu mỗi bên rộng 7,5m.

- Hệ thống đường lăn: quy hoạch xây dựng đường lăn song song cách tim đường cất hạ cánh khoảng 172,5m; quy hoạch xây dựng 03 đường lăn nối từ đường cất hạ cánh vào đường lăn song song và sân đỗ máy bay. Các đường lăn có chiều rộng 15m, lề vật liệu mỗi bên rộng 5m.

- Sân đỗ tàu bay: quy hoạch xây dựng sân đỗ tàu bay mới đảm bảo khai thác 08 vị trí đỗ cho tàu bay code C và tương đương, dự trữ quỹ đất mở rộng sân đỗ về phía Đông khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình quản lý, điều hành bay:

- Đài kiểm soát không lưu - trung tâm điều hành bay: quy hoạch xây dựng mới đài kiểm soát không lưu phía Đông nhà ga hành khách.

- Quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận chính xác CAT I đầu 11; hệ thống đèn tiếp cận giảm đơn đầu 29.

- Lắp đặt hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác CAT I tại đầu 11 của đường cất hạ cánh.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS).
- Nghiên cứu lắp đặt hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát đa điểm (MLAT), hệ thống ra đa thời tiết, hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua đuổi chim khi có nhu cầu. Việc xác định vị trí được chuẩn xác trong các bước tiếp theo để đảm bảo hệ thống trang thiết bị hoạt động tối ưu.

4.6. Quy hoạch khu phục vụ mặt đất:

- Nhà ga hành khách: quy hoạch xây dựng nhà ga mới phía Đông Nam nhà ga hiện hữu, 02 cao trình, đáp ứng công suất khai thác 2,0 triệu hành khách/năm; dự trữ quỹ đất mở rộng về phía Đông khi có nhu cầu.

- Nhà ga hàng hóa: quy hoạch vị trí nhà ga hàng hóa phía Tây nhà ga hành khách trên khu đất có diện tích khoảng 4.315m², xây dựng khi có nhu cầu. Nghiên cứu bố trí điểm xử lý hàng hóa đảm bảo khai thác 4.400 tấn hàng hóa/năm tại khu đất dự kiến quy hoạch nhà ga hàng hóa.

- Quy hoạch giao thông:

+ Nút giao thông: quy hoạch xây dựng nút giao giữa đường khu đô thị và đường trục vào sân bay.

+ Đường trục vào Cảng: quy hoạch xây dựng đồng bộ với nhà ga hành khách gồm 01 đường trục chính 04 làn xe chạy kết nối từ tuyến đường trục khu đô thị Cỏ Ống vào khu vực cảng hàng không.

+ Đường giao thông nội bộ: quy hoạch xây dựng đồng bộ khi xây dựng nhà ga hành khách, kết nối trực tiếp từ đường trục chính tới các khu chức năng của sân bay.

+ Cầu cạn: quy hoạch xây dựng cầu cạn dẫn từ hệ thống đường giao thông lên tầng 02 nhà ga hành khách.

+ Sân đỗ ô tô trước ga hành khách: quy hoạch xây dựng mới sân đỗ ô tô trước nhà ga hành khách đồng bộ đảm bảo khai thác 2,0 triệu hành khách/năm.

4.7. Quy hoạch các công trình phụ trợ Cảng hàng không:

- Nhà điều hành cảng hàng không: trong giai đoạn trước mắt sử dụng nhà điều hành hiện hữu. Quy hoạch vị trí nhà điều hành mới phía Tây nhà ga hàng hóa.

- Cảng vụ hàng không: quy hoạch tại khu đất phía Tây nhà điều hành cảng hàng không, nằm phía Tây tuyến đường hiện hữu vào cảng hàng không.

- Công an địa phương: quy hoạch tại khu đất phía Tây nhà ga hành khách, gần tuyến đường hiện hữu vào khu hàng không, xây dựng khi có nhu cầu.

- Quy hoạch các cơ quan nhà nước và đại diện hãng hàng không: quy hoạch bố trí tại khu đất dự trữ phát triển phía Đông cảng hàng không, xây dựng khi có nhu cầu.

- Khu hàng không chung: quy hoạch bố trí tại khu đất dự trữ phát triển phía Đông cảng hàng không, xây dựng khi có nhu cầu.

- Nhà xe ngoại trường, trạm bảo dưỡng phương tiện mặt đất: quy hoạch tại khu vực sân đỗ ô tô trước nhà ga hành khách hiện hữu. Bố trí trạm bảo dưỡng phương tiện trang thiết bị kỹ thuật mặt đất tại một khu vực trong nhà xe kỹ thuật ngoại trường.

- Khu tập kết trang thiết bị mặt đất: quy hoạch tại khu vực sân đỗ ô tô hiện hữu cũng như trên nền khu vực nhà điều hành cũ.

- Hệ thống khẩn nguy, cứu nạn: quy hoạch xây dựng trạm cứu hỏa tại khu vực riêng tại phía Đông nhà ga hành khách, tiếp giáp với đài chỉ huy và sân đỗ máy bay. Cấp cứu hỏa sân bay đạt cấp 7 theo quy định của ICAO.

- Cơ sở cung cấp xăng dầu hàng không: quy hoạch phía Đông nhà ga hành khách tiếp giáp với vịnh Đông Bắc.

- Cơ sở cung cấp suất ăn hàng không: quy hoạch tại phía Đông nhà ga hành khách, xây dựng khi có nhu cầu.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng: công suất cấp điện cho Cảng hàng không khoảng 3.600KVA đảm bảo nhu cầu khai thác. Khi có nhu cầu có thể nâng công suất đạt khoảng 4.100KVA.

- Hệ thống cấp nước: quy hoạch xây dựng trạm cấp nước phía Tây nhà ga hành khách.

- Hệ thống thoát nước: khu hàng không dân dụng thoát nước vào hệ thống Kanivo, cống và mương hở đổ ra phía vịnh Đông Bắc.

- Khu vực xử lý nước thải: quy hoạch tại khu vực phía Tây nhà ga hành khách. Nước thải được thu gom vào hệ thống ống dẫn về Trạm xử lý nước thải và được xử lý trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mưa toàn Cảng.

- Khu vực lưu giữ chất thải (chất thải rắn và chất thải nguy hại): quy hoạch vị trí chung với vị trí khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới đất của Cảng hàng không.

4.8. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng nhu cầu khoảng 181,745 ha; gồm 104,604 ha diện tích đất cảng hàng không hiện hữu và diện tích đất bổ sung khoảng 76,908 ha. Trong đó:

- | | |
|--|-------------|
| - Diện tích đất hàng không dân dụng: | 52,504 ha; |
| - Diện tích đất quân sự: | 9,373 ha; |
| - Diện tích đất dùng chung: | 119,868 ha; |
| + Giai đoạn đến năm 2030: | 87,602 ha; |
| + Dự trữ kéo dài đường cất hạ cánh khi có nhu cầu: | 32,266 ha. |

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định số 832/KHĐT ngày 03/8/2021 của Vụ Kế hoạch - Đầu tư để quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch; cập nhật các nội dung quy hoạch nêu trên vào quy hoạch của địa phương; bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp nhu cầu phát triển của Cảng hàng không theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Tài chính, Vận tải, Môi trường, Khoa học - Công nghệ, An toàn giao thông, Quản lý doanh nghiệp; Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Hàng không Việt Nam và lãnh đạo các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, KH&ĐT, TC, XD, NN&PTNT, TN&MT, VHTT&DL, Công Thương;
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- UBND huyện Côn Đảo;
- Các Thứ trưởng;
- Các TCT: Cảng HKVN, Quản lý bay VN;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Vụ KHĐT (05) VULH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn